

(Đề gồm có 2 trang)

MÃ ĐỀ :606

Họ và tên học sinh:Số báo danh:Lớp.....

A/TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Câu 1. Dân cư nhiều nước Mỹ La Tinh còn nghèo đói không phải là do

- A. phần lớn người dân không có đất canh tác. B. phụ thuộc vào các công ti tư bản nước ngoài.
C. hạn chế về điều kiện tự nhiên và nguồn lao động D. tình hình chính trị không ổn định.

Câu 2. Ngành nào đòi hỏi nhiều chất xám nhất trong các ngành sau ?

- A. Chế biến dầu mỏ. B. Chế biến thực phẩm. C. Sản xuất phần mềm. D. Luyện kim màu.

Câu 3. Tây Nam Á có nguồn dầu khí tập trung nhiều ở khu vực

- A. Phía Đông. B. Phía Tây. C. Ven vịnh Pecxich D. Ven biển Caxpi.

Câu 4. Để bảo vệ động, thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng cần

- A. Tăng cường nuôi trồng. B. Đưa chúng đến các vườn thú công viên.
C. Tuyệt đối không được khai thác. D. Đưa vào Sách đỏ bảo vệ.

Câu 5. Ở Việt Nam , vùng sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu do nước biển dâng là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long B. Tây Nguyên.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 6. Sự bùng nổ dân số hiện nay trên thế giới diễn ra chủ yếu ở

- A. các nước đang phát triển. B. khu vực châu Phi.
C. các nước phát triển. D. các nước công nghiệp mới.

Câu 7. Toàn cầu hóa kinh tế, bên cạnh những mặt thuận lợi, còn có những mặt trái , đặc biệt là

- A. Các nước phải phụ thuộc lẫn nhau. B. Nguy cơ thất nghiệp, mất việc làm ngày càng tăng.
C. Cạnh tranh quyết liệt giữa các quốc gia. D. Gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo.

Câu 8. Cho bảng số liệu :Cơ cấu GDP phân theo khu vực của Thụy Điển và Ê-ti-ô-pi-a năm 2013

(Đơn vị %)

Nước	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Thụy Điển	1,4	25,9	72,7
Ê-ti-ô-pi-a	45,0	11,9	43,1

Nhận xét nào sau đây không đúng ?

- A. Khu vực III của Thụy Điển có tỉ trọng cao.
B. Khu vực I của Thụy Điển có tỉ trọng rất thấp.
C. Cơ cấu GDP của Thụy Điển đặc trưng cho nhóm nước đang phát triển.
D. Cơ cấu GDP của Thụy Điển và Ê-ti-ô-pi-a có sự chênh lệch.

Câu 9. Tiêu cực của quá trình khu vực hóa đòi hỏi các quốc gia

- A. thúc đẩy kinh tế chậm phát triển. B. tự chủ về kinh tế, quyền lực.
C. tự do hóa thương mại toàn cầu. D. góp phần bảo vệ lợi ích kinh tế.

Câu 10. Dân số châu Phi tăng rất nhanh là do

- A. quy mô dân số đông nhất thế giới. B. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cao.
C. tỉ suất gia tăng cơ giới lớn. D. tỉ suất thô rất thấp.

Câu 11. Ý nào sau đây không phải là biểu hiện về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước phát triển ?

A. GDP bình quân đầu người cao.

B. Chỉ số phát triển con người ở mức cao.

C. Đầu tư nước ngoài nhiều.

D. Dân số đông và tăng nhanh

Câu 12. Cho bảng số liệu: Số dân của Hoa Kỳ qua các năm

Năm	1800	1820	1840	1860	1880	1900	1940	1960	1980	2005	2015
Số dân	5	10	17	31	50	76	132	179	229.6	296.5	321.8

Giả sử tốc độ gia tăng dân số tự nhiên của Hoa Kỳ giai đoạn 2015 -2020 là 0,7% thì dân số Hoa Kỳ 2018 là bao nhiêu ?

A. 323,7 triệu người. B. 328,6 triệu người. C. 329,5 triệu người. D. 325,6 triệu người.

Câu 13. Nguyên nhân nào làm cho Tây Nam Á và Trung Á trở thành nơi cạnh tranh của nhiều cường quốc?

A. Tồn tại nền văn minh cổ đại rực rỡ.

B. Có vị trí địa - chính trị quan trọng.

C. Là nơi có nhiều tôn giáo.

D. Có nguồn dầu mỏ dồi dào.

Câu 14. Cho bảng số liệu:

Chỉ số	EU	Hoa Kỳ	Nhật Bản
Số dân (triệu người)	507,9	318,9	127,1
GDP (tỉ USD)	18517	17348	4596
Tỉ trọng xuất khẩu trong GDP(%)	42,7	13,5	17,7
Tỉ trọng nhập khẩu trong GDP(%)	33,5	9,8	3,6

Biểu hiện nào chứng tỏ EU là trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới ?

A. Số dân đạt 507,9 triệu người.

B. Số dân gấp 4,0 lần Nhật Bản.

C. GDP vượt Hoa Kỳ và chiếm tới 33,5% trong giá trị xuất khẩu thế giới. D. Số dân gấp 1,6 lần Hoa Kỳ.

Câu 15. Cho bảng số liệu: Số dân của Hoa Kỳ qua các năm

Năm	1800	1820	1840	1860	1880	1900	1940	1960	1980	2005	2015
Số dân	5	10	17	31	50	76	132	179	229.6	296.5	321.8

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự biến động của dân số Hoa Kỳ trong giai đoạn 1800 – 2015 là

A. Biểu đồ đường

B. Biểu đồ thanh ngang.

C. Biểu đồ miền.

D. Biểu đồ tròn.

B/TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1. Cho bảng số liệu sau : Giá trị xuất khẩu và giá trị nhập khẩu của Hoa Kỳ giai đoạn 1995 – 2014

Đơn vị : tỉ USD

Năm	1995	2005	2010	2014
Xuất khẩu	1093,2	1305,1	1852,3	2341,9
Nhập khẩu	1475,3	2027,8	2365,0	2871,9

(Nguồn : Niên giám thống kê thế giới, NXB Thống kê 2016)

a. Biểu đồ nào thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất khẩu , giá trị nhập khẩu.

b. Tính cán cân xuất nhập khẩu.

c. Nhận xét tình hình xuất nhập khẩu , giải thích về cán cân xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ trong giai đoạn trên.

Câu 2. Trình bày nội dung của việc thiết lập thị trường chung châu Âu và ý nghĩa.

Câu 3 . Vì sao các nước EU phát triển các liên kết vùng ?

-----Hết -----

